

# PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 54/2015/TT-BGTVT

*Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2015*

### THÔNG TƯ

#### **Quy định thủ tục điện tử cho tàu thuyền Việt Nam hoạt động tuyến nội địa vào, rời cảng biển Việt Nam**

*Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2005;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;*

*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử năm 2005;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Căn cứ Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam,*

*Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định thủ tục điện tử cho tàu thuyền Việt Nam hoạt động tuyến nội địa vào, rời cảng biển Việt Nam.*

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định thủ tục điện tử đối với tàu thuyền Việt Nam hoạt động tuyến nội địa vào, rời cảng biển Việt Nam.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến thực hiện thủ tục điện tử cho tàu thuyền Việt Nam hoạt động tuyến nội địa vào, rời cảng biển Việt Nam.

#### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thủ tục điện tử là việc khai báo, gửi hồ sơ, xử lý hồ sơ và trả kết quả đối với thủ tục cho tàu thuyền vào, rời cảng biển bằng phương thức điện tử.

2. Hồ sơ điện tử là các thông điệp dữ liệu giao dịch điện tử về tàu thuyền, giấy tờ tài liệu của tàu thuyền, thuyền viên, hành khách và hàng hóa được người làm thủ tục khai báo làm thủ tục điện tử.

3. Giấy phép rời cảng điện tử là giấy phép do Cảng vụ hàng hải cấp cho người làm thủ tục dưới dạng điện tử trên Cổng thông tin điện tử sau khi đã hoàn thành thủ tục điện tử cho tàu thuyền rời cảng. Giấy phép rời cảng điện tử có mã số để tra cứu và có giá trị pháp lý thay thế Giấy phép rời cảng dạng giấy.

#### **Điều 4. Khai báo làm thủ tục điện tử đối với tàu thuyền**

##### **1. Đối với tàu biển**

Người làm thủ tục khai báo các thông tin theo các mẫu tờ khai quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Thông tư này trên Cổng thông tin một cửa quốc gia theo địa chỉ truy cập <https://vnsw.gov.vn>.

##### **2. Đối với phương tiện thủy nội địa**

Người làm thủ tục khai báo và gửi yêu cầu làm thủ tục cho phương tiện thủy nội địa bằng một trong hai hình thức sau:

a) Người làm thủ tục khai báo các thông tin theo các mẫu tờ khai quy định tại Điều 9 và Điều 10 của Thông tư này trên Cổng thông tin điện tử Bộ Giao thông vận tải theo địa chỉ truy cập <https://dichvucong.mt.gov.vn>;

b) Người làm thủ tục soạn tin nhắn theo mẫu quy định tại Điều 9 và Điều 10 của Thông tư này và gửi tới Tổng đài làm thủ tục cho phương tiện thủy nội địa vào, rời cảng biển. Người làm thủ tục có trách nhiệm đăng ký số điện thoại dùng để gửi tin nhắn làm thủ tục tại Cảng vụ hàng hải.

#### **Điều 5. Kiểm tra các loại giấy chứng nhận của tàu thuyền và thuyền viên**

Cảng vụ hàng hải thực hiện kiểm tra các thông tin khai báo, tra cứu dữ liệu của tàu thuyền, thuyền viên trên cơ sở dữ liệu điện tử của các cơ quan có thẩm quyền làm cơ sở giải quyết thủ tục điện tử cho tàu thuyền vào, rời cảng biển. Cảng vụ hàng hải chỉ được yêu cầu người làm thủ tục nộp, xuất trình các giấy tờ trong trường hợp cơ sở dữ liệu không có dữ liệu của tàu thuyền, thuyền viên đã được người làm thủ tục khai báo.

#### **Điều 6. Thanh toán phí, lệ phí**

Người làm thủ tục có trách nhiệm hoàn thành thanh toán phí và lệ phí vào, rời cảng biển ngay sau khi nhận được thông báo phí, lệ phí bằng một trong các hình thức thanh toán sau đây:

1. Thanh toán trực tuyến tại Cổng thông tin một cửa quốc gia, Cổng thông tin điện tử Bộ Giao thông vận tải.

2. Thanh toán chuyển khoản vào tài khoản của Cảng vụ hàng hải.

3. Thanh toán bằng tiền mặt.

## **Chương II**

### **THỦ TỤC ĐIỆN TỬ CHO TÀU THUYỀN**

### **HOẠT ĐỘNG TUYẾN NỘI ĐỊA VÀO, RỜI CẢNG BIỂN**

#### **Điều 7. Thủ tục đối với tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa vào cảng biển**

##### **1. Thông báo tàu biển đến cảng**

a) Chậm nhất 08 giờ trước khi tàu biển dự kiến đến cảng biển, người làm thủ tục phải khai báo và gửi Thông báo tàu đến cảng trên Cổng thông tin một cửa quốc gia theo Mẫu số 01 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Trường hợp tàu biển di chuyển giữa các cảng biển Việt Nam hoặc khu vực hàng hải không quá 20 hải lý, chậm nhất 02 giờ trước khi tàu biển dự kiến đến cảng biển, người làm thủ tục khai báo và gửi Thông báo tàu đến cảng trên Cổng thông tin một cửa quốc gia theo Mẫu số 01 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

##### **2. Xác báo tàu đến cảng**

Chậm nhất 02 giờ trước khi tàu đến vùng đón trả hoa tiêu, người làm thủ tục phải xác báo cho Cảng vụ hàng hải biết chính xác thời gian tàu đến cảng bằng VHF, điện thoại hoặc các phương thức thông tin liên lạc phù hợp khác.

Chậm nhất 02 giờ, kể từ khi nhận được xác báo tàu đã đến vị trí đón trả hoa tiêu, Cảng vụ hàng hải cấp Lệnh điều động điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia theo Mẫu số 02 của Thông tư này. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời và nêu rõ lý do.

##### **3. Thủ tục khai báo điện tử**

Chậm nhất 02 giờ, kể từ khi tàu đã vào neo đậu tại cầu cảng hoặc 04 giờ, kể từ khi tàu đã vào neo đậu tại các vị trí khác trong vùng nước cảng, người làm thủ tục khai báo và gửi hồ sơ điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Hồ sơ điện tử bao gồm:

a) 01 Bản khai chung theo Mẫu số 03 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) 01 Danh sách thuyền viên theo Mẫu số 04 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) 01 Danh sách hành khách (nếu có) theo Mẫu số 05 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Cảng vụ hàng hải tiếp nhận và giải quyết hồ sơ điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Trường hợp trên cơ sở dữ liệu điện tử không có dữ liệu của tàu thuyền, thuyền viên thì Cảng vụ hàng hải thông báo đến người làm thủ tục để nộp, xuất trình tại trụ sở chính hoặc văn phòng đại diện của Cảng vụ hàng hải bản chính các giấy tờ sau:

- a) Giấy tờ phải nộp: Giấy phép rời cảng cuối cùng;
- b) Giấy tờ phải xuất trình: Giấy chứng nhận đăng ký tàu thuyền; Các giấy chứng nhận về an toàn kỹ thuật của tàu theo quy định; Sổ thuyền viên; Chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên.

5. Thời hạn giải quyết thủ tục: chậm nhất 01 giờ, kể từ khi người làm thủ tục hoàn thành thủ tục khai báo, nộp và xuất trình đầy đủ các giấy tờ theo quy định, Cảng vụ hàng hải kiểm tra, đối chiếu thông tin về tàu biển và thuyền viên để gửi thông báo xác nhận hoàn thành thủ tục cho người làm thủ tục trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

#### **Điều 8. Thủ tục đối với tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa rời cảng biển**

1. Thời hạn làm thủ tục: chậm nhất 02 giờ trước khi tàu dự kiến rời cảng biển, người làm thủ tục khai báo và gửi hồ sơ điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Hồ sơ phải khai báo điện tử bao gồm:

a) 01 Bản khai chung theo Mẫu số 03 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) 01 Danh sách thuyền viên (nếu có thay đổi) theo Mẫu số 04 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) 01 Danh sách hành khách (nếu có thay đổi) theo Mẫu số 05 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Cảng vụ hàng hải tiếp nhận và giải quyết hồ sơ điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Trường hợp trên cơ sở dữ liệu điện tử không có dữ liệu của tàu thuyền, thuyền viên thì Cảng vụ hàng hải thông báo đến người làm thủ tục để xuất trình tại trụ sở chính hoặc văn phòng đại diện của Cảng vụ hàng hải bản chính các giấy tờ sau:

a) Các giấy chứng nhận của tàu thuyền và chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên nếu thay đổi so với khi đến;

b) Các giấy tờ liên quan đến xác nhận việc nộp phí, lệ phí, tiền phạt hoặc thanh toán các khoản nợ theo quy định của pháp luật (nếu có).

4. Thời hạn giải quyết thủ tục

Chậm nhất 01 giờ, kể từ khi người làm thủ tục hoàn thành thủ tục khai báo, xuất trình đủ các giấy tờ theo quy định, Cảng vụ hàng hải kiểm tra, đối chiếu thông tin về tàu biển và thuyền viên để cấp Giấy phép rời cảng điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia theo Mẫu số 06 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và Giấy phép rời cảng bản giấy nếu người làm thủ tục có yêu cầu. Trường hợp không cấp Giấy phép phải trả lời và nêu rõ lý do.

5. Trường hợp tàu biển vào cảng và chỉ lưu lại cảng trong khoảng thời gian không quá 12 giờ, thuyền trưởng phải thông báo cho Cảng vụ hàng hải khu vực biết để làm thủ tục điện tử cho tàu vào, rời cảng cùng một lúc.

6. Trường hợp tàu biển đã được cấp Giấy phép rời cảng mà vẫn lưu lại tại cảng quá 24 giờ kể từ thời điểm tàu biển được phép rời cảng, tàu biển đó phải làm lại thủ tục rời cảng theo quy định tại Điều này.

### **Điều 9. Thủ tục đối với phương tiện thủy nội địa vào cảng biển**

1. Thời hạn làm thủ tục:

a) Đối với phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB: chậm nhất 02 giờ trước khi phương tiện đến cảng, người làm thủ tục khai báo và gửi hồ sơ trên Cổng thông tin điện tử Bộ Giao thông vận tải hoặc gửi tin nhắn theo Mẫu số 12 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này đến số Tổng đài làm thủ tục cho phương tiện thủy nội địa vào, rời cảng biển;

b) Đối với phương tiện thủy nội địa khác: trước khi phương tiện đến cảng hoặc sau khi vào neo đậu an toàn, người làm thủ tục khai báo và gửi hồ sơ trên Cổng thông tin Bộ Giao thông vận tải hoặc gửi tin nhắn theo Mẫu số 07 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này đến Tổng đài làm thủ tục phương tiện thủy nội địa tại cảng biển.

2. Hồ sơ khai báo điện tử bao gồm:

a) Bản khai chung theo Mẫu số 08 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Danh sách thuyền viên theo Mẫu số 09 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Danh sách hành khách (đối với phương tiện chở hành khách) theo Mẫu số 10 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trường hợp làm thủ tục qua tin nhắn, sau khi phương tiện vào neo đậu an toàn người làm thủ tục phải nộp tại trụ sở Cảng vụ hàng hải các giấy tờ sau:

a) Danh sách hành khách;

b) Giấy phép rời cảng, bến hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi phương tiện thủy rời cảng, bến cuối cùng.

4. Cảng vụ hàng hải tiếp nhận và giải quyết hồ sơ điện tử trên Cổng thông tin điện tử Bộ Giao thông vận tải. Trường hợp trên cơ sở dữ liệu điện tử không có dữ liệu của phương tiện, thuyền viên thì Cảng vụ hàng hải thông báo đến người làm thủ tục để nộp, xuất trình tại trụ sở chính hoặc văn phòng đại diện của Cảng vụ hàng hải bản chính các giấy tờ sau:

a) Giấy tờ phải nộp: Giấy phép rời cảng, bến hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi phương tiện thủy nội địa rời cảng, bến cuối cùng;